

Quảng Nam, ngày 28 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM

Căn cứ điều 136, Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Chương VI, Điều lệ Công ty về Đại hội đồng cổ đông,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam đã được tổ chức từ 14h00 đến 16h ngày 28/6/2019 tại văn phòng Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam, số 10, đường Nguyễn Du, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Thành phần tham dự là các cổ đông Công ty theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số 928/2019-QTC/VSD-ĐK ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số cổ đông tham dự đại hội là 33 người, sở hữu và đại diện sở hữu cho 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ 62,92% số cổ phần có quyền biểu quyết. Căn cứ khoản 1, Điều 141 của Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông của công ty đã đủ các điều kiện tiến hành.

Đại hội đồng cổ đông đã nghe trình bày các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, kế hoạch năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
2. Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
4. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
5. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018.
6. Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và mức thù lao năm 2019
7. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty
8. Tờ trình về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024
9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.
10. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018, kế hoạch 2019 của người lao động và người quản lý.
11. Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành thảo luận và đóng góp ý kiến vào các báo cáo, phương án, v.v....

Căn cứ vào các nội dung được trình bày; các ý kiến đóng góp; kết quả biểu quyết từng vấn đề và biên bản được đọc trước đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết với các nội dung như sau:



1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, kế hoạch năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024:

1.1. Kế hoạch SXKD năm 2019:

- Doanh thu : 140.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 8.100.000.000 đồng

- Cổ tức : 18%

- Thực hiện tốt Luật doanh nghiệp, các qui định của Pháp luật, quy chế, quy định, điều lệ Công ty; Thực hiện và nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động.

1.2. Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2019-2024:

Ban điều hành công ty phấn đấu xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo như sau:

- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước 5%.

- Cổ tức năm sau cao hơn năm trước 1%.

- Thu nhập bình quân năm sau cao hơn năm trước 5%.

1.3. Công tác đầu tư:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thống nhất không đầu tư các dự án: Dây chuyền gạch không nung; Trạm trộn bê tông xi măng; Sản xuất ống bê tông ly tâm (BTLT) tại mỏ đá An Trung, Duy Trung, giao cho HĐQT thu hồi chi phí đã bỏ ra.

1.4. Công tác tổ chức bộ máy, lao động và chế độ tiền lương:

Kiên toàn bộ máy quản lý công ty, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tuyển chọn kỹ sư và cử nhân kinh tế để tuyển dụng nhất là cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

Cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, nhằm đảm bảo người lao động có ý thức cao trong công việc, tận tâm với công ty.

Hợp đồng lao động cầu đường, lái xe, lái máy, thợ điện, thợ vận hành có tay nghề biên chế về cho các xí nghiệp quản lý đường và xí nghiệp đá cho đủ số lượng đáp ứng được đòi hỏi thực tế tại xí nghiệp.

2. Thống nhất báo cáo của HĐQT năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2019-2024; Báo cáo của BKS năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2019-2024.

3. Thống nhất Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

3.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 149.363.961.969

3.2. Lợi nhuận trước thuế 10.402.856.904

3.3. Lợi nhuận sau thuế 8.145.255.249

4. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018 như sau:

4.1. Chia cổ tức cho cổ đông : 23% 6.210.000.000

4.2. Trích lập các quỹ : 1.935.255.249

- Quỹ khen thưởng người quản lý 171.900.000

- Quỹ khen thưởng người lao động 1.763.355.249

5. Thống nhất trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018, mức thù lao năm 2019.

6. Thống nhất sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

7. Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019.

8. Thống nhất Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và kế hoạch 2019 của người lao động và người quản lý.

9. Thống nhất phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024.

10. Danh sách trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

- 10.1. Ông Nguyễn Tuấn Anh
- 10.2. Ông Nguyễn Cao Cường
- 10.3. Ông Nguyễn Văn Sỹ
- 10.4. Ông Đoàn Văn Dũng
- 10.5. Ông Lê Văn Xí

11. Danh sách trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

- 11.1. Ông Lê Ngọc Hưng
- 11.2. Ông Nguyễn Văn Hiếu
- 11.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lễ

Đại hội đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 làm cơ sở cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát tổ chức thực hiện thắng lợi các nội dung nêu trên.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đoàn Văn Dũng




T.M. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Sỹ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Tuấn Anh – UV.HĐQT:.....

Ông Nguyễn Cao Cường – UV.HĐQT :.....

Ông Đoàn Văn Dũng –UV.HĐQT:.....

Ông Lê Văn Xí – UV.HĐQT:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình GTVT Quảng Nam ;

Căn cứ Thông báo số 28/2019/TB-HĐQT ngày 13/6/2019 của Hội đồng quản trị Công ty v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Hôm nay, vào lúc 14giờ00 phút ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam - Số 10 - Nguyễn Du - TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, HĐQT Công ty tiến hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông Công ty thường niên năm 2019.

Qua báo cáo kiểm tra danh sách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông dự Đại hội là: 33 cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: 1.698.717 CP/2.700.000 CP, chiếm 62,92 % cổ phần có quyền biểu quyết được triệu tập;

Căn cứ khoản 1, điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 đủ điều kiện tiến hành đúng điều lệ hoạt động của Công ty và Pháp luật Nhà nước.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1. Chủ trì: Ông Nguyễn Văn Sỹ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 2. Thư ký: Ông Đoàn Văn Dũng
 3. Số cổ đông tham dự đại hội có quyền biểu quyết tại Đại hội 33 cổ đông.
- Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI :

1.Đại hội nghe Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trình bày các nội dung theo chương trình Đại hội như sau:

- 1.1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, kế hoạch năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 1.2. Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 1.4. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
- 1.5. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018.
- 1.6. Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và mức thù lao năm 2019
- 1.7. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty
- 1.8. Tờ trình về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024
- 1.9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.

1.10. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018, kế hoạch 2019 của người lao động và người quản lý.

1.11. Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024

2.Đại hội thảo luận:

Thống nhất các nội dung báo cáo của HĐQT và BKS đã thông qua trong Đại hội.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024 và biểu quyết các nội dung Đại hội.

III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI: (BẢNG PHIẾU BIỂU QUYẾT)

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, kế hoạch năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

2. Báo cáo công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

4. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

5. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

6. Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và mức thù lao năm 2019:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.695.817 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 99,83%; không đồng ý: 2.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0,17%;

7. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.695.817 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 99,83%; không đồng ý: 2.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0,17%;

8. Tờ trình về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

10. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018, kế hoạch 2019 của người lao động và người quản lý:

- Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.698.717 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0%;

IV. BẦU THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2019-2024:

1. Bầu thành viên HĐQT:

Danh sách trúng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)
1	Nguyễn Tuấn Anh	7.274.712	428,25
2	Nguyễn Cao Cường	315.725	18,59
3	Đoàn Văn Dũng	321.899	18,95
4	Nguyễn Văn Sỹ	291.344	17,15
5	Lê Văn Xí	289.905	17,07

2. Bầu thành viên Ban kiểm soát:

Danh sách trúng cử vào BKS nhiệm kỳ 2019-2024:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)
1	Lê Ngọc Hưng	371.907	21,89
2	Nguyễn Văn Hiếu	341.727	20,12
3	Nguyễn Thị Ngọc Lễ	4.382.517	257,99

Biên bản được đọc lại cho toàn thể cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe và thống nhất thông qua.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đoàn Văn Dũng

CHỦ TRÌ ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Sỹ



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Du - P. An Mỹ - TP. Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235 3851 577

Fax: 0235 3852 098

Website: www.cotracoqna.vn

Email:...



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

I - Thời gian tổ chức Đại hội: 14 giờ 00 phút, ngày 28/6/2019

II - Địa điểm: tại Hội trường Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam - số 10 Nguyễn Du, P. An Mỹ, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

III- Nội dung Đại hội:

- 1- Đăng ký cổ đông, phát tài liệu.
- 2- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- 3- Chào cờ, tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần tham dự.
- 4- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, mời Chủ tịch lên điều hành Đại hội.
- 5- Thông qua chương trình đại hội.
- 6- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, kế hoạch năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 7- Báo cáo công tác quản lý chi đạo của HĐQT năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 8- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.
- 9- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
- 10- Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018.
- 11- Thông qua Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018, mức thù lao năm 2019
- 12- Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.
- 13- Tờ trình về phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024.
- 14- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019.
- 15- Tờ trình Thông qua Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của người lao động và người quản lý.
- 16- Thảo luận, giải đáp ý kiến của Cổ đông.
- 17- Bầu HĐQT, BKS.
- 18- Thông báo kết quả bầu cử.
- 19- Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội.
- 20- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- 21- Bế mạc Đại hội.

Quảng Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ NHIỆM KỲ 2014-2019, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ 2019-2024

I. Kết quả năm 2018 và nhiệm kỳ 2014-2019

1. Những khó khăn và thuận lợi năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019

a. Khó khăn:

- Trong nhiệm kỳ qua, đối với ngành xây dựng có những khó khăn cơ bản: biến động thất thường của giá nguyên vật liệu đầu vào như nhựa đường, xi măng, cát đá xây dựng...Ngoài ra công ty còn có những khó khăn khác như:

- Chính sách cắt giảm đầu tư công đã làm Công ty gặp khó khăn về việc làm, doanh thu.

- Sự cạnh tranh gay gắt trong đấu thầu của thị trường làm Công ty gặp khó khăn về việc làm, doanh thu, ảnh hưởng cơ bản đến lợi nhuận.

- Hai năm đầu nhiệm kỳ, người lao động trong công ty đông, tuổi cao, sức khoẻ yếu khó bố trí công việc còn nhiều, chi phí đóng BHXH, BHYT... cao, làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

- Lĩnh vực bảo trì đường bộ được Nhà nước chủ trương xã hội hóa, cạnh tranh, đấu thầu quyết liệt nên công ty không chủ động được kế hoạch.

b. Thuận lợi:

- Công ty là đơn vị có kinh nghiệm và bề dày trong lĩnh vực quản lý bảo trì và xây dựng đường bộ. Có đội ngũ cán bộ có chuyên môn, năng động, trách nhiệm và ngày càng trưởng thành. Lực lượng công nhân lao động có tay nghề cao.

- Luôn được sự giúp đỡ, hỗ trợ của UBND tỉnh Quảng Nam, Sở GTVT, Tổng cục đường bộ, các Ban QLDA trong tỉnh, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

- Bộ máy lãnh đạo công ty đã lãnh chỉ đạo quyết liệt trong điều hành SXKD, tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức của tập thể người lao động. Lễ lối tác phong làm việc được đổi mới theo hướng năng động, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tính chất yêu cầu của thị trường, nâng cao tính chủ động và khai thác các lợi thế trong SXKD góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2014-2019.

2. Kết quả đạt được

a. Các chỉ tiêu chính năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	K/hoạch 2018	Th/hiện 2018
1	Tổng Doanh thu	Tr. đồng	140.000	151.730
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	10.800	10.403
3	Cổ tức	%	20	23
4	Thu nhập b/quân người/tháng	Tr. đồng	11,5	11,2

Lợi nhuận giảm 400 triệu đồng là do nộp tiền thuê đất tại văn phòng công ty năm 2018 là 600 triệu đồng.

b. Nhiệm kỳ 2014-2019:

DVT: Tr.đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng doanh thu	121.959	137.443	143.850	155.620	151.730
	Tăng trưởng doanh thu		113%	105%	108%	98%
2	Lợi nhuận trước thuế	10.567	10.833	11.031	10.064	10.403
	Tăng trưởng LNTT		103%	102%	91%	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	7.648	8.223	8.568	7.249	8.145
	Tăng trưởng LSTT		108%	104%	85%	112%
4	Cổ tức	5.130	5.940	6.210	5.670	6.210
	Tăng trưởng		116%	105%	91%	110%

3. Ngoài các chỉ tiêu trên, nhiệm kỳ qua Công ty đã đạt được những thành quả sau, chứng minh Công ty đã phát triển bền vững

a. Về SXKD:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng nhiệm kỳ qua Công ty đã đạt được:

- Doanh thu hàng năm đều tăng trưởng trên 5%, năm 2018 doanh thu sụt giảm so với năm 2017 là do năm 2018, nguồn vốn ngân sách giải ngân cho các công trình trên địa bàn tỉnh chậm, dẫn đến nguồn tiền gửi ngân hàng thấp hơn các năm trước làm cho doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh. Và trong năm 2018, khoản thu nhập khác cũng giảm mạnh so với năm 2017 nên dẫn đến tổng doanh thu của năm 2018 giảm so với năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế tăng 2-3%

- Cổ tức tăng 1%

- Thu nhập người lao động tăng 4,5%

- Thực hiện và nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động.

b. Về đầu tư đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất:

- Năm 2014, trước tình hình mỏ đá cũ đã hết trữ lượng khai thác, HĐQT, Ban tổng giám đốc đẩy nhanh công tác xin khai thác mỏ đá mới. Tháng 9/2015 và 10/2016 được UBND tỉnh Quảng Nam cấp quyền cho công ty khai thác 2 mỏ đá mới thuộc xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam với trữ lượng 2 mỏ là 2.700.000m³ với thời gian khai thác 10 năm.

- Để kịp thời đưa mỏ đá đi vào hoạt động, bán đá cho các công trình lớn, đặc biệt công trình đường cao tốc Đà Nẵng đi Quảng Ngãi, công ty đã đền bù giải tỏa đất và tài sản trên đất tại khu vực mỏ đá mới, bãi chế biến, kho mìn mới, nhà điều hành, kho vật liệu, với diện tích hơn 10 ha. Đồng thời xây dựng đường

dây trung thế, lắp đặt trạm biến áp, nhà điều hành, kho vật tư... nhằm đưa ngay mỏ mới vào khai thác.

- Là đơn vị thi công xây dựng cầu đường, nhưng các thiết bị cũ lạc hậu, công suất nhỏ, không đủ năng lực đầu thầu các công trình vừa và lớn. Để chiếm lĩnh mở rộng thị trường, hoạt động nhiều lĩnh vực, ngay đầu năm 2015 HĐQT, Ban TGD đã đưa vào nghị quyết Đại hội năm 2015, 2016 thanh lý các loại máy móc cũ hay hư hỏng, đầu tư kịp thời 02 máy xay đá 250T/h và 02 máy xúc gàu 3,2 m³, 01 máy khoan tự hành mũi khoan dài 10m, 07 máy đào gàu 0,9-1,2 m³, 01 trạm trộn bê tông nhựa 120T/h, máy thảm nhựa 900T/h, máy lu, máy cào bóc... nhằm triển khai sản xuất đá và phục vụ thi công các công trình do Công ty trúng thầu. Chính nhờ sự năng động, quyết liệt, tư duy đổi mới kịp thời với thị trường, trong các năm qua Công ty trúng thầu nhiều dự án, Doanh thu tăng hàng năm, thu hồi vốn nhanh, người lao động đủ việc làm.

- Tổng giá trị tài sản cố định được đầu tư trong nhiệm kỳ qua: 48,3 tỷ đồng.

- Chi phí đền bù giải tỏa tại mỏ đá: 5,09 tỷ đồng.

- Giá trị khấu hao từ 2014-31/12/2018 là: 45,9 tỷ đồng (bao gồm khấu hao cho tài sản cũ và tài sản được đầu tư từ năm 2014 đến 31/12/2018).

c. Công tác quản lý tài chính:

- Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ, không có nợ xấu.

- Các công trình thi công xong được thanh quyết toán ngay, nhằm tạo điều kiện để thu hồi nợ, phục vụ kịp thời về vốn SXKD.

d. Công tác tổ chức bộ máy:

Công ty luôn kiện toàn bộ máy quản lý, các phòng nghiệp vụ, các xí nghiệp, công trường cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ, với kế hoạch hàng năm, đảm bảo bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, những đơn vị hoạt động không tốt, chất lượng, tiến độ không đúng hợp đồng.

- Chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Tuyển chọn kỹ sư và cử nhân kinh tế để tuyển dụng nhất là cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

Số lượng lao động đến 31/12/2018 là 90 người trong đó đại đa số là lực lượng trẻ có trình độ từ Cao đẳng trở lên.

e. Chính sách đối với người lao động, phúc lợi xã hội:

- Người lao động trong công ty có việc làm thường xuyên, được trả lương theo đúng hiệu quả công việc, cuối năm được thưởng lương tháng 13. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

- Áp dụng và xây dựng hệ thống thang lương theo qui định, đóng đầy đủ các loại bảo hiểm và chi trả các chế độ cho người lao động đang làm việc cũng như nghỉ chế độ.

4. Đánh giá chung

Mặc dù nhiệm kỳ 2014-2019 còn nhiều khó khăn, song với sự chỉ đạo đúng hướng của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc công ty và sự cố gắng của tập thể cán bộ công nhân viên nên công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, các chỉ tiêu kinh tế đều hoàn thành vượt kế hoạch, lợi nhuận và cổ tức của cổ đông được đảm bảo, các quỹ được trích lập theo quy định, nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước được thực hiện đầy đủ. Để đảm bảo đứng vững và phát triển trong điều kiện cạnh tranh hiện nay, Công ty đang từng bước mở rộng thị trường, đổi mới về quản lý, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư máy móc thiết bị, áp dụng công nghệ xây dựng mới, nâng cao năng lực thi công và năng suất lao động. Thông qua sản phẩm các công trình, Công ty từng bước khẳng định thương hiệu nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp, có năng lực và uy tín trên thị trường xây dựng tỉnh Quảng Nam.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2019, nhiệm kỳ 2019-2024 và các giải pháp thực hiện

Năm 2019 nói riêng, nhiệm kỳ 2019-2024 nói chung, tình hình hoạt động SXKD công ty sẽ gặp khó khăn thách thức, đó là:

- Sự cạnh tranh quyết liệt trong đấu thầu của thị trường làm Công ty gặp khó khăn về việc làm, doanh thu, lợi nhuận sẽ giảm, nếu không lường trước các chi phí, bỏ thầu thấp để trúng thầu sẽ dẫn đến lỗ.

- Giá nguyên vật liệu chính không ổn định, tiền thuê đất tăng hàng năm, chi phí lương và các khoản bảo hiểm theo lương được Nhà nước tăng, làm chi phí tăng, lãi trong SXKD giảm.

Đứng trước một số tồn tại đã nêu ở phần trên, bên cạnh những thuận lợi về lợi thế thương hiệu và kết quả SXKD các năm qua, HĐQT, Ban điều hành Công ty trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2023 các mục tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng Doanh thu	Tr. đồng	140.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	8.100
3	Cổ tức	%	18
4	Thu nhập b/quân người/tháng	Tr. đồng	11,5

b. Nhiệm kỳ 2019-2024:

Là doanh nghiệp xây dựng, doanh thu hàng năm phụ thuộc vào kết quả đấu thầu, vì vậy việc xây dựng kế hoạch rất khó khăn. Ban điều hành công ty phân đấu xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo như sau:

- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước 5%.

- Cổ tức năm sau cao hơn năm trước 1%.
- Thu nhập bình quân năm sau cao hơn năm trước 5%.
- Thực hiện tốt Luật doanh nghiệp, các qui định của Pháp luật, quy chế, quy định, điều lệ Công ty; Thực hiện và nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Công ty lấy việc duy trì, ổn định để phát triển bền vững, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm sau cao hơn năm trước, vốn cổ đông được bảo toàn và phát triển, đảm bảo đời sống cho người lao động là mục tiêu xuyên suốt trong năm. Phát triển thị trường nhưng không chạy theo doanh thu, tăng cường liên kết mọi nguồn lực trong và ngoài công ty để khai thác thị trường, chú trọng những dự án, công trình có nguồn vốn rõ ràng, dòng tiền ổn định.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a. Về tiếp thị, đấu thầu, hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm dự án các công trình có vốn nhanh và phải tính toán cụ thể những chi phí thực tế và dự báo những chi phí có khả năng phát sinh nhằm đấu thầu trúng nhưng không bị lỗ. Duy trì và phát triển vững chắc thị trường truyền thống, đồng thời đã mở rộng thêm được thị trường mới nhằm đảm bảo việc làm cho năm 2019 và định hướng cho kế hoạch các năm tiếp theo.

- Phát huy thế mạnh Công ty về mỏ đá, trạm BTN 120T/h và dây chuyền thảm BTN mới, mở rộng ngành nghề nhằm tiêu thụ đá, mở rộng thị trường để nhận thi công các công trình thảm bê tông nhựa nhằm thu hồi vốn.

- Nâng cao công tác tiếp thị, chất lượng sản phẩm, có chính sách hợp lý để tiêu thụ sản phẩm đá các loại.

- Tiếp tục giao công trình đòi hỏi tiến độ, có lợi nhuận cao, cho các công trường thi công, nhằm có kinh phí hoạt động và trả cổ tức.

- Tăng cường công tác chất lượng, mỹ thuật, tiến độ công trình, đẩy nhanh tiến độ thi công ở những công trình có vốn nhằm thu hồi nhanh.

- Tổ chức tốt khai thác đá, chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để tăng doanh thu bán đá.

- Đầu tư sửa chữa lớn xe, máy thi công hiện có của Công ty, đáp ứng kịp thời phục vụ thi công, thanh lý một số máy móc cũ, hay hư hỏng năng suất thấp, hiệu quả không cao.

b. Trong lĩnh vực bảo trì đường bộ và XD CB:

- Công tác bảo trì đường bộ phải được tổ chức thực hiện tốt trong từng quý theo các tiêu chí về bảo trì đường bộ do Tổng cục đường bộ ban hành. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo tại các Xí nghiệp quản lý sửa chữa đường bộ: Giám đốc Xí nghiệp, kỹ thuật, tuần đường phải nâng cao ý thức trong công tác bảo trì đường bộ, thường xuyên có mặt tại công trường, địa điểm thi công nhằm phát hiện kịp thời các sự cố trên đường để khắc phục ngay, đảm bảo giao thông an toàn. Giám đốc Xí nghiệp nào không làm tốt công tác bảo trì đường bộ để các đơn vị cấp trên nhắc nhở nhiều, cảnh cáo, Công ty sẽ thay thế người khác. Đơn

vị nào thực hiện không tốt Công ty không ký hợp đồng quản lý.

- Đổi mới tư duy, cải tiến cách tổ chức triển khai công việc cụ thể trên từng tuyến đường do xí nghiệp quản lý đáp ứng với các tiêu chí yêu cầu trong các hợp đồng công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và tuần đường tại các xí nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới hoạt động xây lắp của công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa trong công tác đấu thầu, quản lý thi công xây lắp công trình, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ mới trong xây lắp để trở thành thế mạnh chuyên biệt thể hiện ở chất lượng sản xuất đá, chất lượng thấm BTN và mỹ thuật công trình.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng giao khoán theo phương án giá thành được duyệt, hạn chế thấp các phát sinh, rủi ro trong quá trình thực hiện. Phát hiện sớm tiến hành đánh giá khả năng thực hiện ở từng hợp đồng giao khoán để có giải pháp khắc phục một cách hiệu quả. Thực hiện việc kiểm soát khối lượng, tiến độ, công nợ ứng vốn theo đúng quy chế khoán nhằm giảm trách nhiệm của người nhận khoán với hiệu quả công việc, tránh việc thua lỗ.

- Công ty tiếp tục kết hợp với chủ đầu tư đẩy nhanh công tác quyết toán, kiểm toán thu hồi nợ đọng để giải quyết khó khăn tồn đọng vốn.

c. Công tác đầu tư:

Theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2018 đã có chủ trương mở rộng ngành nghề, sản phẩm kinh doanh các sản phẩm từ đá tại mỏ đá An Trung, Duy Trung trên các lĩnh vực sau: Dây chuyền gạch không nung; Trạm trộn bê tông xi măng; Sản xuất ống bê tông ly tâm (BTLT).

Sau khi làm một số thủ tục ban đầu, HĐQT nhận thấy:

- Đối với sản phẩm gạch không nung: Hiện nay thị trường tại Quảng Nam có hơn 6 đơn vị sản xuất gạch không nung, Bộ xây dựng chưa ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật về gạch không nung, nên phần lớn các công trình sử dụng gạch không nung qua thời gian không đảm bảo chất lượng, đều bị vỡ, nứt, ngấm nước, ... vì vậy các công trình tư nhân nhà ở riêng lẻ không sử dụng vật liệu này làm cho tiêu thụ gạch không nung gặp khó khăn.

- Trạm trộn bê tông xi măng: Đầu tư trạm trộn bê tông, xe chở bê tông, máy phun bê tông, mặt bằng nhà máy dự tính kinh phí hơn 10 tỷ đồng, dây chuyền ống bi ly tâm khoảng 5 tỷ. Các năm trước đây ngân hàng VCB cho Công ty vay trên cơ sở thế chấp tài sản máy móc thiết bị. Năm 2019 Ngân hàng VCB quản lý chặt về vay, không áp dụng cho vay đối với thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, vì vậy không có kinh phí để đầu tư.

- Sản xuất ống BTLT: Sau khi lấy mẫu thí nghiệm, đá tại mỏ Duy trung độ dính bém xi măng kém, ảnh hưởng đến chất lượng ống bi ly tâm.

Với các nguyên nhân trên, HĐQT thống nhất trình ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 không triển khai các nội dung trên.

d. Công tác tài chính kế toán:

- Xây dựng phương án và có chính sách cụ thể để tăng cường công tác thu hồi vốn và các khoản công nợ một cách có hiệu quả. Có hình thức linh hoạt để đẩy mạnh việc tạm ứng, thanh toán vốn các công trình. Có biện pháp sử dụng tốt nhất các nguồn vốn tự có và giảm thiểu sử dụng vốn vay.

- Tổ chức bộ phận kế toán cho phù hợp nhằm quản lý tốt công nợ ở các Xí nghiệp, khách hàng, chủ đầu tư. Quản lý chặt chẽ các khoản nợ Công ty cho các đơn vị trực thuộc vay theo đúng cơ chế khoán và qui chế hoạt động tài chính của Công ty.

- Theo dõi, phân tích tình hình tài chính các đơn vị, việc ứng vốn các công trường kịp thời để Ban tổng giám đốc nắm rõ thực trạng có giải pháp kịp thời.

e. Về công tác tổ chức bộ máy, công tác lao động và chế độ tiền lương:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý công ty, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tuyển chọn kỹ sư và cử nhân kinh tế để tuyển dụng nhất là cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của công ty.

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, nhằm đảm bảo người lao động có ý thức cao trong công việc, tận tâm với công ty.

- Hợp đồng lao động cầu đường, lái xe, lái máy, thợ điện, thợ vận hành có tay nghề biên chế về cho các xí nghiệp quản lý đường và xí nghiệp đá cho đủ số lượng đáp ứng được đòi hỏi thực tế tại xí nghiệp.

Phát huy thành tích đã đạt được trong các năm qua, chúng ta quyết tâm xây dựng thương hiệu công ty, mở rộng thị trường, cùng nhau đoàn kết xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững, toàn diện.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2019, mục tiêu nhiệm vụ, những giải pháp cơ bản năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam.

Xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- SCIC;
- Các đơn vị, phòng ban;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu VT, TCKTTH.



HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Anh

CTCP
GTVT
Q.NAM

BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018, NHIỆM KỲ 2014 - 2019 & ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NHIỆM KỲ 2019 - 2024

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Căn cứ Điều 25, điều lệ Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

Trong năm 2018, HĐQT hàng quý tổ chức họp định kỳ 01 lần, khi cần thiết tổ chức họp bất thường, nội dung các cuộc họp định kỳ và đột xuất chủ yếu để triển khai NQ ĐHĐ thường niên năm 2018 đã đề ra. HĐQT đã tiến hành 10 phiên họp, ban hành 10 nghị quyết, quyết định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty trong các lĩnh vực khác nhau.

2. Công tác chỉ đạo của HĐQT trong năm 2018:

Hoạt động quản trị, chỉ đạo của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Hàng tháng Chủ tịch Hội đồng quản trị đều có ít nhất một lần làm việc với Ban điều hành và để gặp các cán bộ quản lý kỹ thuật, sản xuất để kiểm tra và chỉ đạo giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Chính nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, phối hợp nhịp nhàng của HĐQT và Ban điều hành. Kết quả SXKD năm 2018 đạt được như sau :

2.1. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

a-Các chỉ tiêu chính năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	K/hoạch 2018	Th/hiện 2018
1	Tổng Doanh thu	Tr. đồng	140.000	151.730
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	10.800	10.403
3	Cổ tức	%	20	23
4	Thu nhập b/quân người/tháng	Tr. đồng	11,5	11,2

2.2. Trong lĩnh vực tổ chức nhân sự và bộ máy quản lý:

Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty tiếp tục được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổng giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc được phân định rõ ràng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được sắp xếp một cách chặt chẽ, từng vị trí công việc được bố trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Năm 2018 bổ nhiệm 01 phó Tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng phụ trách công tác kinh doanh đối với các sản phẩm từ đá và khu vực cho thuê đất làm dịch vụ và thương mại, bổ nhiệm Trưởng phòng KHKT.

Các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của công ty tiếp tục được kiện toàn làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của công ty.

2.4. Trong lĩnh vực tài chính:

Thực hiện minh bạch trong quản trị công ty, Tất cả các thông tin liên quan theo quy định đều được gửi tới cổ đông và được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng thông qua website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội cũng như website của Công ty.

Công tác điều hành, quản lý kinh doanh, đầu tư và tài chính của Ban điều hành đều được HĐQT và Ban kiểm soát giám sát chặt chẽ. Báo cáo tài chính thường niên được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán BCTC các Công ty niêm yết do UBCK Nhà nước công bố.

PHẦN II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2014-2019

I. Về nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019:

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam nhiệm kỳ 2014-2019 đã được bầu ra 5 thành viên.

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh: Chủ tịch HĐQT - Kiêm tổng giám đốc từ 2014 đến 30/6/2016; Phó chủ tịch HĐQT - Kiêm tổng giám đốc Từ 01/7/2016 đến nay.

2. Ông Nguyễn Văn Sỹ: Thành viên HĐQT từ 2014 đến 30/6/2016; Chủ tịch HĐQT - Kiêm Phó tổng giám đốc Từ 01/7/2016 đến nay

3. Ông Nguyễn Cao Cường: Thành viên HĐQT - Kiêm Phó tổng giám đốc

4. Ông Đoàn Văn Dũng: Thành viên HĐQT

5. Ông Trần Quốc Tuấn: Thành viên HĐQT

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019:

1. Đánh giá chung:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, sự cạnh tranh về sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, với vai trò quản trị, định hướng và giám sát công ty,

Hội đồng quản trị đã luôn bám sát thị trường, đồng hành trong từng hoạt động, phát huy mọi thế mạnh, nỗ lực hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra. Kết quả hoạt động của nhiệm kỳ 2014-2019 đã tiếp tục khẳng định về chất lượng dịch vụ, về uy tín cũng như thương hiệu trên thị trường của công ty.

Sau 05 năm hoạt động, HĐQT, Cổ đông và người lao động đã nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ, SXKD năm sau luôn cao hơn năm trước, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, các chỉ tiêu tài chính đạt và vượt so với Nghị quyết, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ cho người lao động, thực hiện đầy đủ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà Nước, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

2. Về việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và các quyết sách lớn của HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019:

Trong các năm qua, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gồm:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm;

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động năm kế tiếp;

- Chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm kịp thời;

- Sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp và tình hình thực tế tại Công ty;

- Lựa chọn Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2014-2019:

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng doanh thu	121.959	137.443	143.850	155.620	151.730
	Tăng trưởng doanh thu		113%	105%	108%	98%
2	Lợi nhuận trước thuế	10.567	10.833	11.031	10.064	10.403
	Tăng trưởng LNTT		103%	102%	91%	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	7.648	8.223	8.568	7.249	8.145
	Tăng trưởng LSTT		108%	104%	85%	112%
4	Cổ tức	5.130	5.940	6.210	5.670	6.210
	Tăng trưởng		116%	105%	91%	110%

Kết quả SXKD nhiệm kỳ 2014-2019 trong điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn nhưng về cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra, đó là: các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều có sự tăng trưởng, đảm bảo về phát triển vốn, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm cổ tức cho cổ đông,

ngày càng mở rộng được quy mô sản xuất kinh doanh, bảo đảm an toàn lao động, an toàn tài sản.

So với nhiệm kỳ trước, nhiệm kỳ 2014 - 2019 đạt được những thành tích vượt bậc: Giá trị chia cổ tức nhiệm kỳ 2009 - 2014: 19 tỷ VNĐ. Nhiệm kỳ 2014 - 2019: 29 tỷ VNĐ tăng 1,5 lần.

3.2. Thực hiện công tác đầu tư:

- Năm 2014, trước tình hình mỏ đá cũ đã hết trữ lượng khai thác, HĐQT, Ban tổng giám đốc đẩy nhanh công tác xin khai thác mỏ đá mới. Tháng 9/2015 và 10/2016 được UBND tỉnh Quảng Nam cấp quyền cho công ty khai thác 2 mỏ đá mới thuộc xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam với trữ lượng 2 mỏ là 2.700.000m³ với thời gian khai thác 10 năm.

- Tổng giá trị tài sản cố định được đầu tư trong nhiệm kỳ qua: 48,3 tỷ đồng.

- Chi phí đền bù giải tỏa tại mỏ đá: 5,09 tỷ đồng.

- Giá trị khấu hao từ 2014-31/12/2018 là: 45,9 tỷ đồng (bao gồm khấu hao cho tài sản cũ và tài sản được đầu tư từ năm 2014 đến 31/12/2018).

- Tình hình tài chính của công ty được kiểm soát tốt, các khoản đầu tư được kiểm soát chặt chẽ.

3.3. Công tác tài chính kế toán tổng hợp:

- Các cơ chế, chính sách được xây dựng và triển khai kịp thời đã đáp ứng tốt cho hoạt động SXKD của công ty. Một số quy chế quản trị nội bộ đã được hoàn thiện, bổ sung và ban hành mới bảo đảm tính pháp lý và phù hợp hơn với điều kiện hoạt động của Công ty (Bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động...)

- Công tác tài chính - kế toán: Các công tác thống kê, báo cáo, quyết toán kịp thời và đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý và điều hành đơn vị. Các phần mềm quản lý được triển khai đồng bộ và khoa học. Việc quản lý dòng tiền linh hoạt, cân đối nguồn vốn và đảm bảo nguồn vốn cho SXKD. Công tác quản lý công nợ khách hàng chặt chẽ và đảm bảo an toàn.

- Bộ máy tổ chức nhân sự được sắp xếp theo hướng chuyên môn hóa, cơ cấu phân chia công việc hợp lý, tinh thần làm việc của người lao động ngày càng được nâng cao.

III. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

1. Về công tác kiện toàn nhân sự Ban điều hành:

Trong 05 năm qua Công ty đã kiện toàn, sắp xếp lại lãnh đạo của 02 Xí nghiệp trực thuộc, đề bạt bổ nhiệm 02 phó Tổng giám đốc, bổ nhiệm 01 giám đốc xí nghiệp, 02 trưởng phòng và 02 phó phòng. Bổ trí lại các Công trường chủ lực cho phù hợp với tình hình sản xuất mới, thành lập mới 02 công trường bảo dưỡng thường xuyên. Cử đi đào tạo một số cán bộ trẻ nhằm mục đích trẻ hóa và nâng cao trình độ cho đội ngũ kế cận, bồi dưỡng cho các xí nghiệp và tuần đường về công tác bảo dưỡng thường xuyên, đồng thời có kế hoạch cụ thể để quản trị nguồn nhân lực, ưu tiên nhân lực có trình độ cao.

2. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

HĐQT thực hiện giám sát Ban điều hành thông qua việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT và nhiệm vụ thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty theo định kỳ. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của HĐQT đã nỗ lực, hoạt động một cách tích cực, năng động và hiệu quả.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2019-2024

1. Mục tiêu:

Năm 2019 nói riêng và nhiệm kỳ 2019-2024 nói chung tình hình hoạt động SXKD công ty sẽ gặp khó khăn thách thức, đó là:

- Sự cạnh tranh quyết liệt trong đấu thầu của thị trường làm cho Công ty gặp khó khăn về việc làm, doanh thu, lợi nhuận sẽ giảm, nếu không lường trước các chi phí, bỏ thầu thấp để trúng thầu sẽ dẫn đến lỗ.

- Giá nguyên vật liệu chính không ổn định, tiền thuê đất tăng hàng năm, chi phí lương và các khoản bảo hiểm theo lương được Nhà nước tăng, làm cho chi phí tăng, lãi trong SXKD giảm.

2. Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2019 – 2024:

Đứng trước một số tồn tại đã nêu ở phần trên, bên cạnh những thuận lợi về lợi thế thương hiệu và kết quả SXKD các năm qua, HĐQT, Ban điều hành Công ty trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 các mục tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước 5%.

- Cổ tức năm sau cao hơn năm trước 1%.

- Thu nhập bình quân năm sau cao hơn năm trước 5%.

*** Công tác đầu tư và nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư:**

Theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2018 đã có chủ trương mở rộng ngành nghề, sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ đá tại mỏ đá An Trung, Duy Trung trên các lĩnh vực sau: Dây chuyền gạch không nung; Trạm trộn bê tông xi măng; Sản xuất ống bê tông ly tâm (BTLT).

Sau khi làm một số thủ tục ban đầu, HĐQT nhận thấy:

- Đối với sản phẩm gạch không nung: Hiện nay thị trường tại Quảng Nam có hơn 6 đơn vị sản xuất gạch không nung, Bộ Xây dựng chưa ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật về gạch không nung, nên phần lớn các công trình sử dụng gạch không nung qua thời gian không đảm bảo chất lượng, đều bị vỡ, nứt, ngấm nước... vì vậy các công trình tư nhân nhà ở riêng lẻ không sử dụng vật liệu này làm cho tiêu thụ gạch không nung gặp khó khăn.

- Trạm trộn bê tông xi măng: Đầu tư trạm trộn bê tông, xe chở bê tông, máy phun bê tông, mặt bằng nhà máy dự tính kinh phí hơn 10 tỷ đồng, dây chuyền ống bê tông ly tâm khoảng 5 tỷ đồng. Các năm trước đây ngân hàng VCB cho Công ty vay trên cơ sở thế chấp tài sản máy móc thiết bị. Năm 2019 Ngân hàng VCB quản lý chặt về vay, không áp dụng cho vay đối với thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, vì vậy không có kinh phí để đầu tư.

- Sản xuất ống BTLT: Sau khi lấy mẫu thí nghiệm, đá tại mỏ Duy Trung có thành phần Silic cao làm độ dính bám xi măng kém, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm sản xuất.

Với các nguyên nhân trên, HĐQT thống nhất trình ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 không triển khai các nội dung trên.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT:

- Thực hiện tốt Luật doanh nghiệp, các qui định của Pháp luật, quy chế, quy định, điều lệ Công ty; Thực hiện và nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Công ty lấy việc duy trì, ổn định để phát triển bền vững, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm sau cao hơn năm trước, vốn cổ đông được bảo toàn và phát triển, đảm bảo đời sống cho người lao động là mục tiêu xuyên suốt. Phát triển thị trường nhưng không chạy theo doanh thu, tăng cường liên kết mọi nguồn lực trong và ngoài công ty để khai thác thị trường, chú trọng những dự án, công trình có nguồn vốn rõ ràng, dòng tiền ổn định.

- Phát huy thế mạnh Công ty về mỏ đá, trạm BTN 120T/h và dây chuyền thảm BTN mới, mở rộng ngành nghề nhằm tiêu thụ đá, mở rộng thị trường để nhận thi công các công trình thảm bê tông nhựa nhằm thu hồi vốn.

- Nâng cao công tác tiếp thị, chất lượng sản phẩm, có chính sách hợp lý để tiêu thụ sản phẩm đá các loại.

- Tiếp tục giao công trình đòi hỏi tiến độ, có lợi nhuận cao, cho các công trường thi công, nhằm có kinh phí hoạt động và trả cổ tức.

- Đầu tư sửa chữa lớn xe, máy thi công hiện có của Công ty, đáp ứng kịp thời phục vụ thi công, thanh lý một số máy móc cũ, hay hư hỏng năng suất thấp, hiệu quả không cao.

- Công tác bảo trì đường bộ phải được tổ chức thực hiện tốt theo các tiêu chí về bảo trì đường bộ do Tổng cục đường bộ ban hành. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo tại các Xí nghiệp quản lý sửa chữa đường bộ: Giám đốc Xí nghiệp, kỹ thuật, tuần đường phải nâng cao ý thức trong công tác bảo trì đường bộ, thường xuyên có mặt tại công trường, địa điểm thi công nhằm phát hiện kịp thời các sự cố trên đường để khắc phục, đảm bảo giao thông an toàn. Giám đốc Xí nghiệp nào không làm tốt công tác bảo trì đường bộ để các đơn vị cấp trên nhắc nhở nhiều, cảnh cáo, Công ty sẽ thay thế người khác. Đơn vị nào thực hiện không tốt Công ty không ký hợp đồng quản lý.

Kính thưa Đại hội! Trên đây, là tổng kết tình hình SXKD kinh tế xã hội và hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019; 05 năm qua HĐQT đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế xã hội do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ giao; thay mặt HĐQT nhiệm kỳ cũ xin chân thành cảm ơn sự lãnh đạo của UBND tỉnh, Sở GTVT, sự giúp đỡ của các cơ quan hữu quan, sự tin tưởng và cộng tác có hiệu quả của tất cả Cổ đông và người lao động Công ty đã giúp đỡ Chúng tôi hoàn thành trọng trách của mình; Kết quả này sẽ tạo tiền đề để HĐQT mới phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch SXKD kinh tế xã hội nhiệm kỳ 2019-2024, mà trước mắt hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019./.

Xin trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Nguyễn Văn Sỹ



Quảng Nam, ngày 20 tháng 5 năm 2019



BÁO CÁO

CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018, NHIỆM KỶ 2014-2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NHIỆM KỶ 2019-2024.

Căn cứ luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam về trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Căn cứ thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ban kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ và xin đánh giá các mặt hoạt động trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 và định hướng hoạt động cho nhiệm kỳ 2019-2024 với nội dung sau:

I. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, tiến hành hoạt động theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam.

- Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, phân công cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và theo quy định tại điều lệ của Công ty, tuân thủ quy định của Pháp luật.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thu nhận thông tin từ HĐQT cung cấp về hoạt động SXKD. Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành hoạt động SXKD của công ty. Đề xuất với HĐQT các vấn đề liên quan đến tình hình sản xuất, cổ đông.

- Phối hợp với HĐQT công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhiệm kỳ.

2. Kết quả kiểm tra năm 2018:

Năm 2018 công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD do sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên HĐQT, Ban điều hành công ty đã phân đấu linh hoạt đề ra các định hướng, chiến lược phù hợp với tình hình thực tế, tiếp cận thị trường nhằm giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, tổ chức quản lý, điều hành SXKD đạt hiệu quả, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế-xã hội theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra đảm bảo các chỉ tiêu cụ thể sau:

a. Kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt 151,730 tỷ đồng/140 tỷ đồng đạt 108,37%.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 8,145 tỷ đồng.
- Cổ tức dự kiến chia cho cổ đông 23%/20% đạt 115%.
- Thu nhập người lao động bình quân 11,2 triệu đồng/ người/ tháng.

b. Một số nguyên nhân có ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2018

Một số công trình đã nghiệm thu trước năm 2018, đến năm 2018 mới tiến hành quyết toán, kiểm toán bị giảm trừ làm tăng chi phí (280,956 triệu đồng).

c. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:

Lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động SXKD của công ty năm 2018 được trích lập các quỹ và phân chia cổ tức là 8.145.255.249 đồng.

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của công ty năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và biên bản ghi nhận số liệu qua kiểm tra ngày 19/4/2019, phòng tài chính- kế toán- tổng hợp công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, có mối quan hệ phối hợp và gắn kết chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện đảm bảo theo điều lệ và quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Luôn hỗ trợ, phối hợp lẫn nhau thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự và tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Kế hoạch công tác năm 2019 của Ban kiểm soát:

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo quy định Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên 2019 tập trung các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của điều lệ công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban điều hành.

- Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, quản lý và sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên.

II. Đánh giá kết quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2014-2019:

1. Tình hình chung:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty đã tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ và thắng lợi các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả.

2. Nhân sự ban kiểm soát:

Tại đại hội đồng cổ đông ngày 26/6/2014 đã bầu ra 03 thành viên Ban kiểm soát gồm:

- | | |
|--------------------|------------|
| + Lê Ngọc Hưng | Trưởng ban |
| + Nguyễn Văn Hiếu | Ủy viên |
| + Nguyễn Thanh Tấn | Ủy viên |

Thực hiện nhiệm vụ suốt nhiệm kỳ 2014-2019

3. Kiểm toán báo cáo tài chính:

Đầu nhiệm kỳ công tác kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện bởi công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC. Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thống nhất chọn lại đơn vị kiểm toán độc lập. Qua đó công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam chi nhánh miền Trung đã được chọn là công ty kiểm toán độc lập và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính từ 2017 đến nay.

4. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Sau nhiệm kỳ 5 năm hoạt động SXKD, HĐQT, Ban điều hành công ty, tập thể người lao động đã thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo công ty phát triển bền vững, thể hiện các chỉ tiêu kinh tế cụ thể là:

- Tổng doanh thu năm 2014 đạt 122,585 tỷ đồng đến năm 2018 đạt 151,730 tỷ đồng, tăng trưởng 123,77%
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 7,648 tỷ đồng đến năm 2018 đạt 8,145 tỷ đồng, tăng trưởng 106,50%
- Cổ tức năm 2014 đạt 55% đến năm 2018 dự kiến 23%.
- Thu nhập người lao động năm 2014 đạt 6,9 triệu đồng/người/tháng đến năm 2018 đạt 11,2 triệu đồng/người/tháng, tăng trưởng 162,31%.

- Thực hiện quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh luôn đạt hiệu quả và tăng trưởng trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ, điều lệ công ty và các quy chế nội bộ, đảm bảo phù hợp theo đúng quy định Pháp luật.

- Đầu tư mua sắm thiết bị mở rộng sản xuất nhằm nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu sản xuất đảm bảo quy trình và phát huy hiệu quả trong quá trình SXKD.

- Thực hiện đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cũng như tiền lương, thưởng đối với người lao động, công tác tuyển dụng, sử dụng lao động phù hợp tình hình sản xuất, đảm bảo quy trình.

- Duy trì và tích cực tham gia đóng góp xây dựng các nguồn quỹ và hoạt động xã hội.

- Công tác theo dõi, quản lý nguồn tài chính của công ty luôn đảm bảo nguyên tắc và luôn quan tâm đến công ty thu hồi vốn góp phần ổn định và phát triển trong sản xuất kinh doanh.

- Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ thuế và

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước.

5. Thù lao của HĐQT-BKS nhiệm kỳ 2014-2019:

a. Hội đồng quản trị:

DVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	2014		2015		2016		2017		2018	
		NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH
I	NK 2014-2019										
1	Nguyễn Văn Sỹ	6,0	6,0	13,8	13,8	27,6	27,6	27,6	27,6	27,6	27,6
2	Nguyễn Tuấn Anh	18,0	18,0	27,6	27,6	24,0	24,0	24,0	24,0	24,0	24,0
3	Nguyễn Cao Cường	6,0	6,0	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8
4	Đoàn Văn Dũng	6,0	6,0	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8
5	Trần Quốc Tuấn	6,0	6,0	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8
II	1/2 năm 2014										
1	Trần Mộng Nhung	6,0	6,0								
2	Trần Bê	12,0	12,0								
3	Phan Đình Ngô	6,0	6,0								

b. Ban kiểm soát:

DVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	2014		2015		2016		2017		2018	
		NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH	NQ	TH
I	NK 2014-2019										
1	Lê Ngọc Hưng	7,2	7,2	8,4	8,4	72,0	72,0	72,0	72,0	72,0	72,0
2	Nguyễn Văn Hiếu	3,6	3,6	4,2	4,2	4,2	4,2	6,0	6,0	6,0	6,0
3	Nguyễn Thanh Tấn	1,8	1,8	4,2	4,2	4,2	4,2	6,0	6,0	6,0	6,0
II	1/2 năm 2014										
1	Nguyễn Lương Bê	1,8	1,8								

Công ty đã chi trả đúng tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

6. Đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành công ty nhiệm kỳ 2014-2019:

a. Hội đồng Quản trị:

Qua nhiệm kỳ 5 năm hoạt động HĐQT đã triển khai thực hiện chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra hằng năm. Thường xuyên hoạch định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp từng giai đoạn đạt hiệu quả, nhằm bảo toàn và phát triển vốn cổ đông. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước, xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

b. Ban điều hành công ty:

Đối với Người điều hành công ty luôn thực hiện nhiệm vụ quản lý điều

hành sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Xây dựng chương trình kế hoạch, đề ra các giải pháp quản lý điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với thực tiễn đảm bảo nguyên tắc, đúng quy định của Pháp luật và điều lệ công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Đối với những người điều hành khác đã được HĐQT, Ban điều hành lựa chọn, bổ nhiệm, là những người có phẩm chất tốt, đủ năng lực thừa hành thực hiện tốt nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các mặt hoạt động SXKD góp phần xây dựng công ty luôn phát triển.

7. Tồn tại và hạn chế:

Trong nhiệm kỳ qua mặc dù Ban kiểm soát chúng tôi đã phấn đấu thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn nhiều mặt hạn chế như theo dõi, kiểm tra cập nhật tình hình hoạt động SXKD chưa được liên tục kịp thời, thu nhận thông tin đôi lúc chưa kịp thời.

Ban kiểm soát xin nhận thiếu sót, rút kinh nghiệm khắc phục tồn tại, thực hiện tốt hơn trong nhiệm kỳ tới.

8. Phương hướng hoạt động của ban kiểm soát nhiệm kỳ tới:

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ, tập trung các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động về điều hành, quản lý SXKD theo chức năng nhiệm vụ quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các quy chế, Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban điều hành công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Ngọc Hưng

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam năm 2018, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 32/BCKT/2019-RSMM đối với Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Các thuyết minh Báo cáo tài chính.

Một số thông tin tóm tắt về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2017
I	Tổng tài sản	96.726.501.806	84.578.362.315
1	Tài sản ngắn hạn	72.352.662.857	55.909.806.630
2	Tài sản dài hạn	24.373.838.949	28.668.555.685
II	Tổng nguồn vốn	96.726.501.806	84.578.362.315
1	Nợ phải trả	50.233.822.680	39.481.951.870
2	Vốn chủ sở hữu	46.492.679.126	45.096.410.445

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.363.961.969	150.045.023.820
2	Lợi nhuận trước thuế	10.402.856.904	10.064.300.833
3	Lợi nhuận sau thuế	8.145.255.249	7.248.986.568



Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định và được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ www.cotracoqna.vn

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Văn Sỹ".

Nguyễn Văn Sỹ



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đã trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và Công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đoàn Văn Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Ngọc Hưng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thơ	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Số: 32/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Công trình Giao thông vận tải Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty CP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Uth".

Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Trần Thị Như Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2293-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.352.662.857	55.909.806.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.275.209.673	9.805.036.618
1. Tiền	111		1.275.209.673	9.805.036.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.097.295.601	26.000.654.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	34.790.477.511	27.774.932.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.130.625.838	724.848.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	127.780.427	819.666.147
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.951.588.175)	(3.318.793.075)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	33.977.780.908	18.003.333.303
1. Hàng tồn kho	141		33.977.780.908	18.003.333.303
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.376.675	100.782.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	-	27.272.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	73.509.394
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	2.376.675	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.373.838.949	28.668.555.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.630.041.067	990.896.525
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.630.041.067	990.896.525
II. Tài sản cố định	220		13.306.140.532	20.979.574.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	13.054.705.647	20.727.159.532
Nguyên giá	222		76.417.735.934	75.696.231.843
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.363.030.287)	(54.969.072.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	251.434.885	252.414.701
Nguyên giá	228		258.293.600	258.293.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.858.715)	(5.878.899)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		503.400.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	503.400.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.934.257.350	6.698.084.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	8.934.257.350	6.698.084.927
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		96.726.501.806	84.578.362.315

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.233.822.680	39.481.951.870
I. Nợ ngắn hạn	310		47.198.763.002	36.831.032.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	15.576.105.073	5.887.532.574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	1.942.235.657	443.034.182
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.872.323.382	546.106.678
4. Phải trả người lao động	314		3.155.355.510	3.177.107.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.897.094.005	4.197.339.178
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	8.333.333	266.078.422
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	11.897.535.886	12.030.236.837
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	8.552.715.082	7.356.926.450
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.19	220.003.398	2.137.228.055
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		277.061.676	789.441.676
II. Nợ dài hạn	330		3.035.059.678	2.650.919.861
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	3.035.059.678	2.650.919.861
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.492.679.126	45.096.410.445
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	46.086.447.737	44.690.179.056
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.379.414.871	8.379.414.871
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.561.777.617	2.061.777.617
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.145.255.249	7.248.986.568
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.145.255.249	7.248.986.568
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		406.231.389	406.231.389
1. Nguồn kinh phí	431		124.245.000	124.245.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		281.986.389	281.986.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		96.726.501.806	84.578.362.315



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	149.363.961.969	150.045.023.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	280.956.674	320.370.001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		149.083.005.295	149.724.653.819
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	131.115.460.962	131.266.945.905
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.967.544.333	18.457.707.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	231.744.974	715.147.406
7. Chi phí tài chính	22	5.5	774.518.636	334.099.514
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>662.852.088</i>	<i>240.712.117</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	-	240.000.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	9.090.340.265	13.261.560.599
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.334.430.406	5.337.195.207
12. Thu nhập khác	31	5.8	2.415.561.620	5.180.009.785
13. Chi phí khác	32	5.9	347.135.122	452.904.159
14. Lợi nhuận khác	40		2.068.426.498	4.727.105.626
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.402.856.904	10.064.300.833
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.257.601.655	2.815.314.265
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.145.255.249	7.248.986.568
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.145.255.249	7.248.986.568
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	3.017	2.285
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	3.017	2.285



Nguyễn Tuấn Anh

Đặng Thơ

Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.402.856.904	10.064.300.833
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.709.937.792	12.389.665.263
Các khoản dự phòng	03		(1.900.289.740)	(1.669.662.833)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(377.199.519)	(1.719.692.861)
Chi phí lãi vay	06		662.852.088	240.712.117
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.498.157.525	19.305.322.519
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.275.634.249)	3.096.671.558
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.974.447.605)	(1.293.261.859)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.867.602.911	(3.376.170.954)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.208.899.696)	(2.408.501.509)
Tiền lãi vay đã trả	14		(657.300.425)	(237.842.771)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.529.209.211)	(3.083.154.121)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	34.450.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.591.366.568)	(2.345.606.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.871.097.318)	9.691.906.273
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.539.904.091)	(8.270.346.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS DH khác	22		145.454.545	1.004.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	16.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		209.931.287	740.331.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.184.518.259)	(6.525.469.610)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	43.677.533.955	32.433.923.555
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(42.481.745.323)	(26.512.010.155)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.670.000.000)	(6.210.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.474.211.368)	(288.086.600)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(8.529.826.945)	2.878.350.063
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.805.036.618	6.926.686.555
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.275.209.673	9.805.036.618



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc
Quảng Nam, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Đặng Thơ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Loan
Người lập

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ lao động- Thương binh và xã hội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam năm 2019 về phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018 cụ thể như sau:

ĐVT: VND			
TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
I	Lợi nhuận ròng năm 2018	8.145.255.249	
II	Chia cổ tức cho cổ đông	6.210.000.000	23%
1	Cổ đông SCIC	3.340.980.000	
2	Cổ đông khác	2.869.020.000	
III	Trích lập các quỹ	1.935.255.249	
1	Quỹ khen thưởng người quản lý	171.900.000	Khoản 2b Điều 18 TT28
2	Quỹ khen thưởng người lao động	1.763.355.249	Khoản 1c Điều 18 TT28

Ghi chú:

- Kiến nghị về mức chia cổ tức và trích lập các quỹ được căn cứ vào Điều lệ của Công ty. Riêng khoản trích Quỹ khen thưởng Người quản lý công ty và Người lao động được xác định theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.



**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sỹ

TỜ TRÌNH

V/v: báo cáo chi trả thù lao năm 2018, trình dự toán thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán, kế hoạch SXKD năm 2019.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2019 về chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2018 và dự toán thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2019 như sau:

- Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS đã chi năm 2018:**

TT	Diễn giải	Số lượng (người)	Số tiền /tháng/người	Tổng 12 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.300.000	27.600.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	2.000.000	24.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	1.150.000	41.400.000
4	Thành viên BKS	2	500.000	12.000.000
	Tổng cộng			105.000.000

Tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS thực hiện năm 2018: 72 triệu đồng/năm. So với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã chi đúng tiền thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS.

- Dự toán thù lao HĐQT, BKS, tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS năm 2019.**

TT	Diễn giải	Số lượng (người)	Số tiền /tháng/người	Tổng 12 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	1	2.300.000	27.600.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	2.000.000	24.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	1.150.000	41.400.000
4	Thành viên BKS	2	500.000	12.000.000
	Tổng cộng			105.000.000



Tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS kế hoạch 2019: 72 triệu đồng/năm
(tương đương 6 triệu đồng/tháng)
Xin trân trọng cảm ơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sỹ



TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nhiệm kỳ 2019-2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2019 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024, thông qua việc ban hành lại điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

I. Sửa đổi điều lệ Công ty:

1. Sự cần thiết phải ban hành lại điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty :

Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam triển khai thực hiện ban hành lại điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2019 của Bộ Tài chính Ban hành điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần có hiệu lực từ ngày 06/11/2017.

2. Những điểm sửa đổi chính so với điều lệ cũ:

2.1. Về cấu trúc hình thức: Áp dụng mẫu Điều lệ đối với Công ty đại chúng theo quy định tại thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.

2.2. Về các nội dung thay đổi cụ thể:

- a. Bổ sung quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông.
- b. Bổ sung một số quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- c. Bổ sung quy định về Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

(Chi tiết trong Dự thảo điều lệ kèm theo)

II. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC.



Những điểm sửa đổi chính so với quy chế cũ:

Bổ sung quy định về Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, sự phối hợp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

(Chi tiết trong Dự thảo quy chế kèm theo)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 xem xét, thông qua các nội dung trên.



Nguyễn Văn Sỹ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

(Dự thảo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
VẬN TẢI QUẢNG NAM**



THÁNG 6 NĂM 2019

MỤC LỤC
PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUAN HỆ CỦA CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM VỚI CÔNG TY CON

Điều 42. Công ty con là Công ty TNHH MTV

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Chữ ký các thành viên HĐQT

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài chính

Điều 48. Chế độ kế toán

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 50. Báo cáo thường niên

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

XVIII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

Điều 54. Gia hạn hoạt động

Điều 55. Thanh lý

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày Tháng 6 năm 2019.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận Tải Quảng Nam

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Quang nam Transportation Construction Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: Co Traco- Qna

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

o Địa chỉ: Số 10 Đường Nguyễn Du, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

o Điện thoại: (0235) 3851577

o Fax: (0235) 3851734 , (0235) 3852098, website: cotracoqna.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn và bắt đầu từ ngày thành lập

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là :

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, thủy điện, các công trình công cộng

- Hoạt động tư vấn quản lý

Chi tiết: Quản lý, khai thác và duy tu các công trình giao thông đường bộ.

• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Lập dự án, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán các công trình xây dựng, công trình giao thông; Giám sát công trình đường bộ; Thi nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Thăm dò, khai thác và sản xuất các loại vật liệu phục vụ sửa chữa và xây dựng hệ thống giao thông đường bộ.

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. Mục tiêu hoạt động của công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về Quản lý, khai thác, sửa chữa xây dựng các công trình giao thông đường bộ và các lĩnh vực khác nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; Tăng lợi tức cho cổ đông; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. ~~Vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 VND (Hai mươi bảy tỷ DVN)~~

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.



4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (Theo qui định hiện hành) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của

công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc điều hành;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c

khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của

cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này:

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

11/11/2023 10:11

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang

thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;

- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch, và một phó chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền cho Phó chủ tịch, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những

người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với

những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.



3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người

điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn thận vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUAN HỆ CỦA CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM VỚI CÔNG TY CON

Điều 42. Công ty con là Công ty TNHH MTV

1. Công ty con là Công ty TNHH MTV do Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam sở hữu 100% vốn điều lệ, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan. Công ty con không được đầu tư góp vốn vào Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam.

2. Hội đồng quản trị CTCP Công trình GTVT Quảng Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đối với Công ty con:

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty;

d) Quyết định dự án đầu tư phát triển;

đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

g) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

h) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

- i) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
- k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
- l) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- m) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- n) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác liên quan.

XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các

chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.



Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 180 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương, 58 điều, 45 trang được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình giao thông vận tải Quảng Nam nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của các thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong bản điều lệ ./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Anh



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Dự thảo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

(Ban hành)

theo Nghị quyết số /NQ-DHĐCD ngày / /2019
của HĐĐCD nhiệm kỳ 2019-2024)

Điều 1. Căn cứ pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản liên quan (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam

2. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

3. Đối tượng áp dụng:

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và viết tắt

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- a. Công ty là Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam
- b. HĐQT là Hội đồng quản trị
- c. HĐĐCD là Đại hội đồng cổ đông của Công ty
- d. BKS là Ban kiểm soát của Công ty
- e. TGD là Tổng Giám đốc của Công ty
- f. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 17 điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Những thuật ngữ khác chưa được giải thích tại quy chế này được hiểu theo quy định tại Luật doanh nghiệp và pháp luật Việt Nam.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập đại hội đồng cổ đông:

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều 14 theo Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 theo Điều lệ công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ

đồng có yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình và thể lệ/quy chế cuộc họp đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

e. Nhiệm vụ của Chủ tọa:

Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Hướng dẫn các đại biểu và đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để đại hội biểu quyết;

Trả lời những vấn đề do đại hội yêu cầu;

Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung đại hội;

Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;

Lập biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ; thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Các nhiệm vụ khác theo pháp luật hiện hành.

3. Ban kiểm phiếu

ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp

Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả, chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo đại hội những trường hợp vi phạm tỷ lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến đại hội.

- Nhiệm vụ:

Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến họp.

Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần biểu quyết tham dự theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty thì được tiến hành.

Điều 5. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất (51%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất (33%) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

5. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội,

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai.

Điều 6. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

HDQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

b. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại ĐHĐCĐ;

Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

Thông báo và gửi thông báo, tài liệu họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

Các công việc khác phục vụ cho đại hội.

c. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

Thông báo bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Thông báo tổ chức ĐHĐCĐ được công bố phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty (www.cotracoqna.vn). Thông báo sẽ được gửi trực tiếp đến cổ đông theo địa chỉ mà Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp theo hồ sơ chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên.

Tài liệu đại hội sẽ được công bố đầy đủ trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty (www.cotracoqna.vn). Tài liệu đại hội bao gồm

Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;

Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

Giấy đăng ký tham dự đại hội;

Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ;

Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

3.1. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

Cách thức đăng ký tham dự được quy định rõ tại Thông báo họp, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự đại hội về Công ty.

3.2. Quy định về ủy quyền tham dự đại hội:

a. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

Trường hợp cổ đông nhà nước thì giấy ủy quyền theo hình thức công văn và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của tổ chức đó.

3.3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó.

c. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Cách thức bỏ phiếu:

4.1. Nguyên tắc chung:

Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và BKS.

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu.

Mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

Trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn hoặc phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên lạc với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

4.2. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau. Và sẽ tiến hành bầu cho đến khi đủ số lượng ứng cử viên cần bầu.

5. Cách thức kiểm phiếu:

5.1. Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ bầu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5.2. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử, kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành.

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

5.3. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp):

7.1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy

nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.

7.2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

8.1. Các cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

8.2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

8.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trong vòng 24 giờ theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

9.1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9.2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

9.3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

9.4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

9.5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

9.6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố trong vòng 24 giờ theo quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Điều 7: Quy định đối với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với tất cả các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của của cổ đông là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

e. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị tiết lộ đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công ty được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Các quyết định đã được thông qua.

f. Họ, tên, chữ ký của CT HĐQT, người đại diện theo Pháp luật của Công ty người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu thay cho việc gửi thông báo đến cổ đông của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

9. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.

d) Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

4.1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Trường hợp khác quy định pháp luật.

4.2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHCĐ.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

6.1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 22 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

6.2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử,...

6.3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6.4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 Điều này.

Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.

Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp):

a. Thông báo mời họp phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các KSV chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các KSV đã được đăng ký tại Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành phần mời tham dự cuộc họp (nếu có): Kiểm soát viên, Ban điều hành, cán bộ quản lý Công ty như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên, Ban điều hành và một số cán bộ quản lý Công ty được HĐQT mời họp có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;

Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phân quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành

7. Thù lao HĐQT

Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

d) Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS.

Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế như sau:

Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 1 Điều này

Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.

Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

Cách thức bầu kiểm soát viên tương tự như cách thức bầu thành viên HĐQT tại Điều 6 Quy chế này.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

4.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Khi cổ đông nhà nước chấm dứt Người đại diện vốn nhà nước với tư cách thành viên Ban kiểm soát. Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên Ban kiểm soát Công ty của Người đại diện vốn của nhà nước kể từ thời điểm chấm dứt tư cách theo quy định của cổ đông Nhà nước.

4.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

6. Cuộc họp BKS

BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu 02 lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có 2/3 số kiểm soát viên trở lên dự họp.

BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến ý kiến ngoại trừ của kiểm toán BCTC hàng năm của Công ty và/hoặc các cổ đông, kiểm soát viên quan tâm.

7. Thù lao BKS

Thành viên BKS được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên BKS và mức thù lao mỗi ngày. BKS dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên

tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của BKS do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thành viên BKS có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thù lao của thành viên BKS được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:

1.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Là cá nhân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện là Kế toán trưởng

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

g. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

2. Việc bổ nhiệm và ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp:

2.1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

HDQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HDQT hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng, quy định trách nhiệm, mức lương, thù lao và lợi ích khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong báo cáo thường niên hằng năm của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tuy nhiên việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động được ký kết.

Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

2.2. Việc bổ nhiệm Phó giám đốc, kế toán trưởng:

Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, HĐQT Công ty phê duyệt tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu, quy mô của Công ty và theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp phải có trách nhiệm, sẵn sàng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

3. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

3.1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành;

3.2. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 10 Quy chế này;

3.3. Có đơn xin nghỉ việc;

3.4. Trong trường hợp hợp đồng lao động hết hạn mà không được gia hạn thì người điều hành Công ty đương nhiên chấm dứt hợp đồng;

3.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 12. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

3.1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

Khi xét thấy quyền tiếp cận các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi.

Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả.

3.2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định.

Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, đầu tư của nhiệm kỳ, hàng năm để trình ĐHĐCĐ quyết định; và chi tiết cho quý, năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp, cũng như kế hoạch tài chính hàng năm và/hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại quy chế Công ty.

Bản dự toán/kế hoạch tài chính nhiệm kỳ, hàng năm và hàng quý của Công ty.

Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

Các nội dung khác liên quan đến lợi ích của Công ty.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả đầu tư của Công ty.

Báo cáo những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Báo cáo thực hiện các nội dung được HĐQT và ĐHĐCĐ ủy quyền khác.

Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

5.1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

5.3. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

5.3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

5.4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5.5. Việc đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

6.1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua.

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, Bảo hiểm XH, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành Công ty.

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

e. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

6.2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành Công ty khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc:

7.1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

7.2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

7.3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

7.4. Các nội dung khác cần xin ý kiến HĐQT sẽ được HĐQT phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 13. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

1. Khen thưởng:

a. HĐQT chỉ đạo xây dựng hệ thống khen thưởng của Công ty. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ.

b. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

c. Hình thức khen thưởng: do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

d. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

e. Đối với đối tượng là Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp: nguồn kinh phí được trích từ Quỹ khen thưởng hoặc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tùy vào điều kiện. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế trong kỳ và kết quả đóng góp của từng người, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

2. Kỳ luật:

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật, thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Bổ sung sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo thẩm quyền.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ Công ty và/hoặc Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ Công ty và/hoặc Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 16. Hiệu lực

Quy chế này gồm 16 điều, được HĐQT Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam thông qua ngày tháng năm .

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sỹ



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua số lượng và cơ cấu để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Căn cứ thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2019 của Bộ Tài chính;
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 một số nội dung như sau:

1. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024: 05 thành viên;
2. Thông qua số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024: 03 thành viên;
3. Thông qua danh sách đề cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019-2024 để bầu tại ĐH gồm các ông bà có tên sau:

Danh sách đề cử HĐQT gồm:

- Cổ đông lớn SCIC giới thiệu: Ông Nguyễn Tuấn Anh
- Đại diện nhóm cổ đông giới thiệu: Ông Lê Văn Xi
- HĐQT dự kiến sẽ giới thiệu các ông sau: Ông Nguyễn Văn Sỹ, Ông Nguyễn Cao Cường, Ông Đoàn Văn Dũng.

Danh sách đề cử BKS gồm:

- Cổ đông lớn SCIC giới thiệu: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lễ
 - Đại diện nhóm cổ đông giới thiệu: Ông Lê Ngọc Hưng
 - HĐQT dự kiến sẽ giới thiệu các ông sau: Ông Nguyễn Văn Hiếu.
- Ngoài các ứng viên trên, cổ đông/nhóm cổ đông khác nếu có giới thiệu, Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm bổ sung theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sỹ

Quảng Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2019

TỔNG HỢP DANH SÁCH TRÍCH NGANG
Nhân sự đề bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi ở hiện nay	Các chức vụ hiện tại đang đảm nhận	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Tuấn Anh	04/6/1968	Số 23, đường Phan Tứ, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2014-2019	Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư XĐ cầu đường
2	Nguyễn Văn Sỹ	20/11/1977	Số 26, đường Lê Quang Sung, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2014-2019	Kỹ sư XĐ thủy lợi – Thủy điện
3	Nguyễn Cao Cường	03/01/1975	Số 23, đường Trần Văn Giáp, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2014-2019	Kỹ sư XĐ cầu đường
4	Đoàn Văn Dũng	21/6/1981	Thôn An Hòa, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019	Kỹ sư XĐ cầu đường
5	Lê Văn Xí	01/01/1966	Số 11, đường Đặng Dung, TP Tam Kỳ Tỉnh Quảng Nam.	Nhân viên hành chính quản trị Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Quảng Nam.	Cử nhân tin học

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sỹ

TỔNG HỢP DANH SÁCH TRÍCH NGANG
Nhân sự đề bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi ở hiện nay	Các chức vụ hiện tại đang đảm nhận	Trình độ chuyên môn
1	Lê Ngọc Hưng	25/7/1956	Số 85, đường Trần Văn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019	Cử nhân Kinh tế
2	Nguyễn Văn Hiếu	01/8/1983	Xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019 – Trưởng phòng quản lý bảo trì đường bộ	Kỹ sư XD cầu đường
3	Nguyễn Thị Ngọc Lễ	19/5/1975	Số 59 đường Y Lan Nguyễn Phi - Phường Hòa Cường Bắc - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) chi nhánh miền trung	Cử nhân Tài chính Kế toán



T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sỹ

**CTCP CP CÔNG TRÌNH
GTVT QUẢNG NAM**

Số: 23 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2019 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 như sau:

Theo qui định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán phải lựa chọn các tổ chức kiểm toán trong danh sách các Tổ chức kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Để thuận tiện trong quá trình soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, xin kính trình danh sách 03 Công ty kiểm toán đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các Doanh nghiệp niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán:

- 1-Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.
- 2-Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, chi nhánh Miền Trung.
- 3-Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sỹ

**CTCP CP CÔNG TRÌNH
GTVT QUẢNG NAM**

Số: AB /TT- HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2019 của người lao động và người quản lý Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 (“Thông tư 28”) của Bộ LĐTB-XH hướng dẫn thực hiện Nghị định 53/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP công trình giao thông vận tải Quảng Nam;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;

HĐQT CTCP công trình giao thông vận tải Quảng Nam kính trình ĐHCĐ thông qua quyết toán quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2019 của người lao động và người quản lý Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2018 liên quan đến tiền lương:

ĐVT: Tr. đồng

Nội dung	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018	KH 2019
Tổng doanh thu	140.000	151.730	108,3%	140.000
LN trước thuế	10.800	10.403	96,3%	8.100
Năng suất lao động	282	258	91,4%	214
Số lao động	95	89	93,6%	86

I. Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2019 của người lao động

1. Quỹ tiền lương thực hiện 2018 của người lao động

Kính trình ĐHCĐ thông qua mức tiền lương thực hiện của người lao động như sau:

- Mức tiền lương bình quân thực hiện: 9,7 triệu đồng/người/tháng
- Quỹ lương thực hiện năm 2018: 10,36 tỷ đồng/năm

2. Phương án Quỹ tiền lương kế hoạch 2019 của người lao động



Năm 2018, do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, hầu như các công trình đều thông qua cạnh tranh đấu thầu. Dựa trên những gói thầu đã trúng được trong năm 2019, Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với thực hiện 2018. Do đó, kính trình ĐHCĐ thông qua phương án quỹ tiền lương kế hoạch 2019 của người lao động như sau:

- Quỹ tiền lương KH của người lao động: 8,215 tỷ đồng/năm
- Mức tiền lương bình quân KH: 7,96 triệu đồng/người/tháng

II. Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2019 của người quản lý

1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Ban điều hành

Kính trình ĐHCĐ thông qua mức tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

- Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước: 34,68 triệu đồng/người/tháng.
- Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn Nhà nước: 17,2 triệu đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 2,067 tỷ đồng/năm.

2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019

Năm 2019, kính trình ĐHCĐ thông qua phương án quỹ tiền lương kế hoạch 2019 của người quản lý, trong đó:

- Mức tiền lương bình quân KH của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước: 32 triệu đồng/người/tháng.
- Mức tiền lương bình quân KH của người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn Nhà nước: 17 triệu đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương kế hoạch: 2,016 tỷ đồng/năm.

Kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.



THỦ LĨNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sỹ

QUY CHẾ
BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2019-2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

Căn cứ quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

1. Bầu thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam được bầu cho nhiệm kỳ 2019-2024 gồm có 05 thành viên;

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam được bầu cho nhiệm kỳ 2019-2024 gồm có 03 thành viên;

2. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 05 năm;

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bầu là 05 năm;

3. Điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

3.2. Thành viên Ban kiểm soát:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;



4. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát:

Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng thì ứng cử viên nào sở hữu cổ phần nhiều hơn hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần nhiều hơn sẽ là người trúng cử; trong trường hợp cả hai ứng cử viên không sở hữu cổ phần thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và bầu theo hình thức bầu dồn phiếu.

Số phiếu bầu: cổ đông có thể chọn 1 trong 2 cách sau đây:

- Chia đều tổng số phiếu cho 05 ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào 05 ứng viên được chọn);

- Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên);

Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

Phiếu bầu ghi sẵn tên các ứng cử viên. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bỏ bớt hoặc bổ sung thì cổ đông sẽ tự gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm vào cuối danh sách;

5. Công bố quyết định trúng cử:

Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại đại hội;

Kết quả này sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội;

6. Hiệu lực:

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chi áp dụng cho việc bầu thành HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sỹ

PHỤ LỤC



HƯƠNG DÂN PHƯƠNG THỨC BẦU DŌN PHIẾU BẦU HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2019-2024

a. Cách thức bầu:

Xác định tổng số quyền bầu cử của một cổ đông (hoặc đại diện cổ đông)
Tổng số quyền bầu cử của một cổ đông (hoặc đại diện cổ đông) được xác định như sau:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}} * \boxed{\text{Số thành viên được bầu}}$$

Ví dụ: Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 5 người (trong số 6 người được giới thiệu), vào BKS là 3 người (trong số 4 người được giới thiệu). Ông X là người nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, quyền bầu cử HĐQT của ông X là $(1.000 * 5) = 5.000$ phiếu và quyền bầu cử BKS là $(1.000 * 3) = 3.000$ phiếu.

b. Cách thức bỏ phiếu:

Thực chất việc bỏ phiếu là phân phối toàn bộ hoặc một phần trong tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số các ứng cử viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó. Đối với trường hợp bầu 5 trong số 6 (hoặc nhiều hơn) ứng cử viên thì mỗi cổ đông, đại diện cổ đông chỉ được phân phối tối đa cho 5 người.

Cũng theo ví dụ trên, khi bầu HĐQT, ông X có thể chia tổng số quyền bầu cử của mình là 5.000 phiếu cho các ứng cử viên chẳng hạn như sau:

Số TT	Họ và tên	Chia đều tổng số phiếu cho 05 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào 05 ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên)
1	Nguyễn Văn A		500
2	Nguyễn Văn B		1.200
3	Nguyễn Văn C		3.000
4	Nguyễn Văn D		
5	Nguyễn Văn E		
6	Nguyễn Văn F		300

Hoặc ông X có thể bầu dồn toàn bộ số phiếu của mình cho một ứng viên

Số TT	Họ và tên	Chia đều tổng số phiếu cho 05 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào 05 ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên)
1	Nguyễn Văn A		5.000
2	Nguyễn Văn B		
3	Nguyễn Văn C		
4	Nguyễn Văn D		
5	Nguyễn Văn E		
6	Nguyễn Văn F		

Hoặc ông X có thể chia đều số phiếu của mình cho một số ứng viên nhưng không được vượt quá số lượng ứng viên cần bầu.

Số TT	Họ và tên	Chia đều tổng số phiếu cho 05 ứng viên được chọn (đánh dấu "x" vào 05 ứng viên được chọn)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên)
1	Nguyễn Văn A	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn B	<input checked="" type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn C	<input checked="" type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn D	<input checked="" type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn E	<input checked="" type="checkbox"/>	
6	Nguyễn Văn F	<input type="checkbox"/>	

10390
 CÔNG T
 CP
 NG TR
 HỒNG
 NG
 T.C

Lưu ý:

- Ông X có thể sử dụng tất cả 5.000 phiếu để bầu cho 1 hoặc từ 2 đến 5 ứng cử viên; hoặc sử dụng ít hơn 5.000 phiếu để bầu cho các ứng cử viên, nhưng nếu dùng quá 5.000 phiếu thì phiếu bầu của ông sẽ là phiếu không hợp lệ.

- Trong mỗi phiếu bầu chỉ được bầu tối đa là 5 người

- Trong mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu cử của cổ đông (đại diện cổ đông) là bao nhiêu phiếu, số này trên từng phiếu là khác nhau, tùy theo số cổ phần có

quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện, tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá số này.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

- Không do ban tổ chức phát hành, không đóng dấu công ty.
- Phiếu bầu có số người được bầu vượt quá số người cho phép (tức bầu nhiều hơn 5 người đối với HĐQT và hơn 3 người đối với Ban kiểm soát).
- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng cử viên (do người bầu tự cộng hoặc do ban kiểm phiếu cộng lại phát hiện) lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu.
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm người ngoài danh sách đã được đại hội thông qua hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu khác để viết lại trước khi bỏ phiếu vào hòm phiếu).

